

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

**ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K16XDC
TÊN HỌC PHẦN: THÍ NGHIỆM VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG 1
MÃ HỌC PHẦN: PHY - 101**

**HỌC KỲ 2
TÍN CHỈ 1
LẦN THI 1**

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				20				25				55	100			
1	132224728	NGUYỄN ĐỨC HUY	K16XDC1	3				0				HP	0.0	Khăng		
2	142352427	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	K16XDC1	0				0				HP	0.0	Khăng		
3	152222773	NGUYỄN THÀNH TRUNG	K16XDC1	2				0				V	0.0	Khăng		
4	152222782	LÊ THẮNG	K16XDC1	5				0				V	0.0	Khăng		
5	162223359	HÀ TUẤN	K16XDC1	10				9				9	9.2	Chèn phẩy Hai		
6	162223360	NGUYỄN TẤN BÌNH	K16XDC1	5				4				4	4.2	Bấu phẩy Hai		
7	162223362	TRƯƠNG QUANG CHIẾN	K16XDC1	10				7				6	7.1	Bay phẩy Mẫu		
8	162223365	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	K16XDC1	10				7				7	7.6	Bay phẩy Sầu		
9	162223367	PHẠM ANH ĐỨC	K16XDC1	10				8				8	8.4	Tầm phẩy Bấu		
10	162223369	ĐỖ VŨ	K16XDC1	0				0				HP	0.0	Khăng		
11	162223372	HỒ XUÂN HẢI	K16XDC1	7				7				6	6.5	Sầu phẩy Năm		
12	162223373	TRƯƠNG QUANG HẠN	K16XDC1	10				4				4	5.2	Nằm phẩy Hai		
13	162223376	LÊ CÔNG VƯƠNG	K16XDC1	10				7				7	7.6	Bay phẩy Sầu		
14	162223378	HỒ TRUNG HIẾU	K16XDC1	8				7				5	6.1	Sầu phẩy Mẫu		
15	162223380	PHẠM TRUNG HIẾU	K16XDC1	10				9				9	9.2	Chèn phẩy Hai		
16	162223383	PHẠM XUÂN HOÀNG	K16XDC1	0				0				HP	0.0	Khăng		
17	162223388	TRƯƠNG QUANG HÙNG	K16XDC1	10				9				9	9.2	Chèn phẩy Hai		
18	162223389	LÊ CÔNG HÙNG	K16XDC1	10				9				10	9.8	Chèn phẩy Tầm		
19	162223393	TRỊNH DUY KHANH	K16XDC1	10				6				6.5	7.1	Bay phẩy Mẫu		
20	162223398	PHAN HOÀNG LỘC	K16XDC1	10				7				7	7.6	Bay phẩy Sầu		
21	162223400	NGUYỄN BẢO LONG	K16XDC1	10				6.5				7	7.5	Bay phẩy Năm		
22	162223402	NGUYỄN ĐÌNH MINH NGHĨA	K16XDC1	10				7				8	8.2	Tầm phẩy Hai		
23	162223403	LÊ DUY NGỌC	K16XDC1	10				1				5	5.0	Nằm		
24	162223405	NGUYỄN CHÍ PHƯƠNG	K16XDC1	10				6				6	6.8	Sầu phẩy Tầm		
25	162223406	PHẠM VĂN SƠN	K16XDC1	10				6.5				5	6.4	Sầu phẩy Bấu		
26	162223409	PHAN BÁ THÁI	K16XDC1	10				7				7	7.6	Bay phẩy Sầu		
27	162223411	LÊ HIẾU THÀNH	K16XDC1	0				0				HP	0.0	Khăng		
28	162223413	LÊ VĂN THUẬN	K16XDC1	10				6.5				7	7.5	Bay phẩy Năm		
29	162223415	NGUYỄN ANH TIẾN	K16XDC1	10				5				6	6.6	Sầu phẩy Sầu		
30	162223417	LÊ VĂN TRỌNG	K16XDC1	10				6.5				7.5	7.8	Bay phẩy Tầm		
31	162223419	LÊ HỮU TRƯỜNG	K16XDC1	10				6.5				5	6.4	Sầu phẩy Bấu		
32	162223423	ĐẶNG THỦY TUYẾN	K16XDC1	10				6.5				8	8.0	Tầm		
33	162223425	BÙI TẤN VIỆT	K16XDC1	10				5				4	5.5	Nằm phẩy Năm		
34	162223428	NGUYỄN THÀNH VINH	K16XDC1	10				6.5				8	8.0	Tầm		
35	162223432	TRƯƠNG VĂN VŨ	K16XDC1	10				6				7	7.4	Bay phẩy Bấu		
36	162223433	ĐẶNG HOÀNG DUY	K16XDC1	10				6.5				4.5	6.1	Sầu phẩy Mẫu		
37	162226432	CAO TRUNG HIẾU	K16XDC1	10				5				5	6.0	Sầu		
38	162226635	TRẦN KHẮC KHÁNH	K16XDC1	10				5				5	6.0	Sầu		
39	162226636	LÊ ĐẮC TRÍ	K16XDC1	10				5				4	5.5	Nằm phẩy Năm		
40	162226637	HOÀNG ĐỨC TUẤN	K16XDC1	10				5				6.5	6.8	Sầu phẩy Tầm		

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
41	162226923	TẶNG THỊ XUÂN	THẢO	K16XDC1	6				6.5				6	6.1	Sau phép Mẫu		
42	162227420	NGUYỄN ĐỨC	TÙNG	K16XDC1	5				4				4	4.2	Bất phép Hai		
43	162263676	LÊ VĂN	HOÀN	K16XDC1	10				6.5				5	6.4	Sau phép Bất		
44	162123065	TRẦN THÁI	QUANG	K16XDC2	10				8				8.5	8.7	Tam phép Bay		
45	162223358	VÕ TUẤN	ANH	K16XDC2	10				7				8	8.2	Tam phép Hai		
46	162223361	ĐINH VŨ	CHÁNH	K16XDC2	10				6.5				5.5	6.7	Sau phép Bay		
47	162223364	NGUYỄN HỒ	CƯỜNG	K16XDC2	10				6.5				9	8.6	Tam phép Sau		
48	162223366	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	K16XDC2	10				7				9	8.7	Tam phép Bay		
49	162223368	NGUYỄN ĐĂNG	DŨNG	K16XDC2	10				7				5	6.5	Sau phép Năm		
50	162223370	PHẠM ĐỨC	DUY	K16XDC2	0				0			HP	0.0	0.0	Khăng		
51	162223375	TRẦN HẢI	HÀO	K16XDC2	10				6				6	6.8	Sau phép Tam		
52	162223377	PHAN THANH	HIỀN	K16XDC2	10				6.5				8	8.0	Tam		
53	162223379	LÊ VĂN MINH	HIẾU	K16XDC2	0				0			HP	0.0	0.0	Khăng		
54	162223381	ĐẶNG CÔNG	HIẾU	K16XDC2	10				6				7	7.4	Bay phép Bất		
55	162223382	TRẦN ĐÌNH	HOÀN	K16XDC2	8				9				7	7.7	Bay phép Bay		
56	162223384	NGUYỄN TRÍ KHÁNH	HOÀNG	K16XDC2	10				7				8	8.2	Tam phép Hai		
57	162223386	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	K16XDC2	10				7				5	6.5	Sau phép Năm		
58	162223390	HUYỀN THANH	HÙNG	K16XDC2	0				0			V	0.0	0.0	Khăng		
59	162223391	NGÔ QUANG	HÙNG	K16XDC2	10				6.5				6	6.9	Sau phép Chèn		
60	162223394	LÊ MINH	KHÁNH	K16XDC2	10				6				5	6.3	Sau phép Ba		
61	162223395	LÊ ĐỨC	KHÔI	K16XDC2	10				6				6	6.8	Sau phép Tam		
62	162223396	NGUYỄN HỒNG	LÊ	K16XDC2	10				9				9	9.2	Chèn phép Hai		
63	162223397	NGUYỄN VĂN	LINH	K16XDC2	8				6				6	6.4	Sau phép Bất		
64	162223399	ĐỖ HOÀNG	LONG	K16XDC2	10				5				5	6.0	Sau		
65	162223401	NGUYỄN VIỆT	MẠNH	K16XDC2	2				0			V	0.0	0.0	Khăng		
66	162223404	LÊ NGỌC	NHẬT	K16XDC2	10				7.5				7	7.7	Bay phép Bay		
67	162223408	NGUYỄN ĐÌNH	TÂN	K16XDC2	9				7				4.5	6.0	Sau		
68	162223410	NGUYỄN VĂN	THÀNH	K16XDC2	10				6.5				7.5	7.8	Bay phép Tam		
69	162223412	LÊ VIỆT	THIỆN	K16XDC2	10				8				8	8.4	Tam phép Bất		
70	162223414	HUYỀN XUÂN	THƯỜNG	K16XDC2	10				9				9	9.2	Chèn phép Hai		
71	162223416	LÊ VĂN	TỚI	K16XDC2	10				7				7	7.6	Bay phép Sau		
72	162223418	QUÁN THÀNH	TRUNG	K16XDC2	10				6				4	5.7	Năm phép Bay		
73	162223420	TRẦN QUÝ	TÚ	K16XDC2	8				6				4	5.3	Năm phép Ba		
74	162223421	NGUYỄN ANH	TUẤN	K16XDC2	0				0			V	0.0	0.0	Khăng		
75	162223422	TRẦN QUANG	TÙNG	K16XDC2	10				6				5.5	6.5	Sau phép Năm		
76	162223424	ĐỖ TRUNG	TUYỀN	K16XDC2	10				7				6	7.1	Bay phép Mẫu		
77	162223426	NGUYỄN QUỐC	VIỆT	K16XDC2	10				6				5	6.3	Sau phép Ba		
78	162223430	TRẦN ANH	VŨ	K16XDC2	10				6				6	6.8	Sau phép Tam		
79	162223431	VƯƠNG	VŨ	K16XDC2	10				8.5				8.5	8.8	Tam phép Tam		
80	162226431	NGUYỄN VĂN	HẢI	K16XDC2	10				6.5				6.5	7.2	Bay phép Hai		
81	162227086	HOÀNG NHƯ	NGỌC	K16XDC2	9				6				4.5	5.8	Năm phép Tam		
82	162227659	TRẦN TRUNG	ĐỨC	K16XDC2	0				0			HP	0.0	0.0	Khăng		
1	0394	ĐÀO PHI	HOÀNG	K14XDC	10				6				6	6.8	Sau phép Tam		

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				20				25					55	100		
2	3218	NGUYỄN TRUNG ĐỘ	K16XDD	10				6				6	6.8	Sau phép Tạm		
3	0141	PHẠM HỒNG TRƯỜNG	T13TVT	10				6.5				6	6.9	Sau phép Chèn		
	7670	NGUYỄN TUẤN TRUNG	K16XDD3	LÊN PHÒNG ĐÀO TẠO BỔ SUNG CHỨNG TỬ HỌC GHEP GAP												

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	72	85%	
2	Số sinh viên nợ	13	15%	
TỔNG CỘNG :		85	100%	

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 05 năm 2011

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú